TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2023
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Xuân Dậu

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1102/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Chu Thị Ch, sinh năm 1974
- ***Bị đơn***: Anh Nùng Ngọc Đ, sinh năm 1973

Cùng trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị Ch xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Chu Thị Ch trình bày:***

Chị và anh Nùng Ngọc Đ tự nguyện kết hôn, được UBND xã H, huyện Thống Nhất (Nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1997.

Nguyên nhân chị Ch xin ly hôn với anh Đ là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được. Hiện nay chị và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị Ch xác định bản thân không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Ch khai không có.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu nào khác.

* Trong suốt quá trình tố tụng anh Nùng Ngọc Đ không đồng ý ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt, không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định pháp luật; Anh Nùng Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến*:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

- *Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Ch. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:** Chị Chu Thị Ch khởi kiện về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Nùng Ngọc Đ hiện đang cư trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ vẫn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, mặt khác chị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] ***Về nội dung vụ án*:**

2.1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị Ch và anh Nùng Ngọc Đ là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2009 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ch thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã kêu gọi đoàn tụ nhưng không đạt kết quả vì anh Đ cố tình vắng mặt**.**

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử chị Ch vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Đ vì giữa chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị không còn tình cảm thương yêu đối với anh Đ và hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Hơn nữa, anh Đ không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình, anh Đ bế tắc không thuyết phục được chị Ch trở về đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị Ch và anh Đ không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị Ch được ly hôn với anh Đ.

2.3. ***Về con chung:*** Đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

2.5. ***Về tài sản chung:*** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. ***Nợ chung:*** Không có nên không đề cập.

[3] ***Về án phí***: Chị Chu Thị Ch phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

[4] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Ch.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Thị Ch được ly hôn với anh Nùng Ngọc Đ.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Chu Thị Ch phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo Biên lai thu số 0001944 ngày 03 tháng 11 năm 2022. Chị Chu Thị Ch đã nộp đủ án phí.

2. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã H, huyện Trảng Bom, Đồng Nai (số 69, quyển số 01 ngày 10/9/1997)
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên